

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC HẢI QUAN**

Số: 369/QĐ-TCHQ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 03 tháng 3 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**VỀ VIỆC QUY ĐỊNH THẨM QUYỀN VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỐI VỚI LĨNH VỰC
QUẢN LÝ TÀI CHÍNH, TÀI SẢN CÔNG, ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, ỨNG DỤNG CÔNG
NGHỆ THÔNG TIN, KIỂM TRA NỘI BỘ VÀ LỰA CHỌN NHÀ THẦU TRONG CÁC ĐƠN
VỊ THUỘC VÀ TRỰC THUỘC TỔNG CỤC HẢI QUAN**

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC HẢI QUAN

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21/6/2017;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006;

Căn cứ Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng sửa đổi, bổ sung ngày 17/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/06/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 84/2014/NĐ-CP ngày 08/9/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ quy định về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 65/2015/QĐ-TTg ngày 17/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Hải quan trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 50/2017/QĐ-TTg ngày 31/12/2017 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn định mức sử dụng máy móc thiết bị;

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 03/2020/TT-BTTTT ngày 24/02/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về lập đề cương và dự toán chi tiết đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên thuộc nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BTC ngày 20/02/2020 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành sử dụng nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 2468/QĐ-BTC ngày 23/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số quy định của pháp luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu trong nội bộ ngành Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1206/QĐ-BTC ngày 26/07/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phân cấp, ủy quyền quản lý tài chính, tài sản công, đầu tư xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin và kiểm tra, kiểm toán nội bộ trong các đơn vị dự toán ngân sách thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-BTC ngày 27/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phân cấp thẩm quyền quyết định việc mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công tại các đơn vị, hệ thống thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 372/QĐ-BTC ngày 21/03/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị chuyên dùng tại các đơn vị, hệ thống thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 494/QĐ-BTC ngày 10/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành quy định chi tiết một số nội dung về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 1488/QĐ-BTC ngày 01/10/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc phân cấp thẩm quyền ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công theo quy định tại Khoản 6 Điều 26 Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017;

Căn cứ Công văn số 7559/BTC-QLCS ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn triển khai Nghị định số 151/2017/NĐ-CP về mua sắm, thuê tài sản;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thẩm quyền phê duyệt kế hoạch đầu tư xây dựng; kế hoạch, danh mục dự toán ứng dụng công nghệ thông tin; danh mục dự toán mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan

a) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin của Tổng cục Hải quan;

b) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư các dự án công nghệ thông tin và các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án của Tổng cục Hải quan quy định tại tiết a, b điểm 3.1 khoản 3 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định 494/QĐ-BTC ngày 10/4/2020.

Phê duyệt chủ trương đầu tư đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có mức kinh phí trên 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng quy định tại tiết a điểm 3.2 khoản 3 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định 494/QĐ-BTC ngày 10/4/2020.

c) Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính (qua Cục Tin học và Thống kê tài chính, Cục Kế hoạch - Tài chính) để tổng hợp, thẩm định trình Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch, danh mục dự toán ứng dụng công nghệ thông tin hàng năm của Tổng cục Hải quan.

Báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt đồng thời chủ trương đầu tư và kế hoạch, danh mục dự toán đối với trường hợp các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin nhằm xử lý kịp thời yêu cầu nghiệp vụ quy định tại văn bản quy phạm pháp luật.

d) Phê duyệt kế hoạch (vốn đầu tư và danh mục dự án) đầu tư hàng năm đối với nguồn vốn chi hỗ trợ đầu tư xây dựng và các nguồn vốn hợp pháp khác của Tổng cục Hải quan thực hiện các dự án đầu tư và các dự án cải tạo sửa chữa trong phạm vi quản lý trừ các dự án có tổng mức đầu tư từ 5 tỷ đồng trở lên;

e) Phê duyệt danh mục dự toán mua sắm hàng năm của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan đối với các tài sản, hàng hóa, dịch vụ sau:

e.1) Mô tô;

e.2) Tàu, ca nô và phương tiện thủy các loại;

e.3) Máy soi container các loại, máy soi hành lý, hàng hóa các loại, máy soi kiểm thẻ các loại trừ mua sắm, lắp đặt gắn với dự án đầu tư xây dựng công trình;

e.4) Hệ thống camera giám sát hải quan trừ mua sắm, lắp đặt gắn với dự án đầu tư xây dựng công trình; phòng quan sát camera; hệ thống giao ban trực tuyến; kênh truyền kết nối camera từ các điểm quan sát về các Cục Hải quan tỉnh, liên tỉnh, thành phố và Phòng giám sát hải quan trực tuyến tại Tổng cục Hải quan;

e.5) Vũ khí, công cụ hỗ trợ;

e.6) In, mua: Ấn chỉ, niêm phong, lịch, sách, sổ tay công tác và tài liệu phục vụ tuyên truyền toàn Ngành;

e.7) Trang phục hải quan (bao gồm cả may sắm);

e.8) Cân ô tô;

e.9) Thiết bị phân tích, phân loại, kiểm định;

e.10) Thiết bị kiểm tra phát hiện phóng xạ;

e.11) Hệ thống kiểm tra giám sát đối với hành lý, hàng hóa xuất nhập khẩu: hệ thống RFID, GPS;

e.12) Các hệ thống, thiết bị phục vụ công tác kiểm soát chống buôn lậu và công tác kiểm tra, giám sát hải quan gồm: thiết bị phát hiện ma túy, thiết bị điều khiển không người lái, valy thuốc thử ma túy, máy soi phương tiện vận tải cầm tay, máy soi phương tiện vận tải di động, máy phát hiện hóa chất cầm tay;

e.13) Máy phát điện từ 25kVA trở lên trừ mua sắm, lắp đặt gắn với dự án đầu tư xây dựng công trình;

e.14) Chi đoàn ra, đoàn vào và đào tạo, bồi dưỡng tập trung.

g) Phê duyệt danh mục dự toán nâng cấp, sửa chữa lớn, bảo trì, bảo dưỡng hàng năm đối với các tài sản của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan có dự toán đề nghị từ 500 triệu đồng trở lên/01 đơn vị tài sản gồm:

g.1) Xe ô tô;

g.2) Tàu, ca nô và phương tiện thủy các loại;

g.3) Máy soi các loại;

g.4) Hệ thống camera giám sát hải quan; phòng quan sát camera; hệ thống giao ban trực tuyến;

g.5) Thiết bị phân tích, phân loại, kiểm định;

g.6) Các thiết bị phục vụ công tác kiểm soát chống buôn lậu: thiết bị phát hiện ma túy, thiết bị điều khiển không người lái, máy soi phương tiện vận tải cầm tay, máy soi phương tiện vận tải di động, máy phát hiện hóa chất cầm tay;

g.7) Hệ thống kiểm tra giám sát đối với hành lý, hàng hóa xuất nhập khẩu: hệ thống RFID, GPS;

g.8) Thiết bị kiểm tra phát hiện phóng xạ.

Cục Tài vụ - Quản trị chủ trì thẩm định trình Tổng cục trưởng xem xét, quyết định hoặc báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính đối với các nội dung nêu tại điểm d, e (trừ e.14), g khoản này.

Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan chủ trì, phối hợp với Cục Tài vụ - Quản trị tham mưu, thẩm tra/thẩm định, tổng hợp trình Tổng cục trưởng xem xét, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt các nội dung do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định nêu tại điểm a, b khoản này. Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan là đơn vị chủ trì, thẩm định chủ trương đầu tư đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin có mức kinh phí trên 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng quy định tại tiết a điểm 3.2 khoản 3 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định 494/QĐ-BTC ngày 10/4/2020.

Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan chủ trì thẩm tra đối với nội dung nêu tại điểm c khoản này trên cơ sở khả năng cân đối kinh phí do Cục Tài vụ - Quản trị thông báo, trình Tổng cục trưởng báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính, đồng thời gửi văn bản phê duyệt về Cục Tài vụ - Quản trị để tổng hợp chung toàn ngành.

Trong khả năng bố trí kinh phí hàng năm, Vụ Tổ chức cán bộ chủ trì thẩm định báo cáo Tổng cục trưởng xem xét phê duyệt danh mục dự toán đào tạo, bồi dưỡng tập trung và Vụ Hợp tác quốc tế chủ trì thẩm định báo cáo Tổng cục trưởng xem xét phê duyệt danh mục dự toán đoàn ra, đoàn vào nêu tại tiết e.14 điểm e khoản này.

2. Cục trưởng Cục Hải quan các tỉnh, liên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và thủ trưởng các đơn vị dự toán trực thuộc Tổng cục Hải quan gồm Văn phòng Tổng cục Hải quan, Cục Tài vụ - Quản trị, Cục Quản lý rủi ro, Cục Thuế Xuất nhập khẩu, Cục Giám sát quản lý về hải quan, Cục Điều tra chống buôn lậu, Cục Kiểm tra sau thông quan, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan, Cục Kiểm định Hải quan, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành của Tổng cục Hải quan trực thuộc Cục Tài vụ - Quản trị, Ban Quản lý dự án sử dụng vốn nhà nước do Tổng cục trưởng quyết định thành lập, các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc

Tổng cục Hải quan (trừ các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Tổng cục Hải quan) sau đây gọi là thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan

a) Phê duyệt danh mục dự toán mua sắm hàng năm của đơn vị đối với các tài sản, hàng hóa, dịch vụ ngoài danh mục quy định tại điểm e khoản 1 Điều này;

b) Phê duyệt danh mục dự toán nâng cấp, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng đối với các tài sản của đơn vị trừ nội dung quy định tại điểm g khoản 1 Điều này.

Các văn bản phê duyệt nêu trên phải gửi Tổng cục Hải quan (qua Cục Tài vụ - Quản trị) để theo dõi, kiểm tra, giám sát và quản lý.

Điều 2. Thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý tài chính

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan

a) Hướng dẫn, cụ thể hóa văn bản của Bộ Tài chính hướng dẫn các cơ chế, chính sách, chế độ, định mức do các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành trong lĩnh vực tài chính để thực hiện thống nhất trong các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan;

b) Báo cáo dự toán thu, chi ngân sách hàng năm và báo cáo tài chính ngân sách nhà nước 3 năm của Tổng cục Hải quan;

c) Phê duyệt phương án phân bổ dự toán thu, chi ngân sách hàng năm của Tổng cục Hải quan cho các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan đảm bảo trong phạm vi dự toán ngân sách được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao và không làm thay đổi dự toán các nội dung, nhiệm vụ chi đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính giao;

d) Báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm của Tổng cục Hải quan;

e) Tổng cục trưởng ủy quyền cho Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị quyết định: giao dự toán, điều chỉnh dự toán, bổ sung dự toán cho các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan theo phương án phân bổ dự toán đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan phê duyệt; công khai dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước hàng năm của Tổng cục Hải quan.

2. Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị

a) Nhập số liệu phân bổ ngân sách của toàn bộ các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan vào hệ thống Tabmis theo đúng quy định của Bộ Tài chính;

b) Báo cáo Bộ Tài chính (qua Cục Kế hoạch Tài chính) về tổng hợp dự toán đã phân bổ, giao, điều chỉnh của các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan (kèm theo các tài liệu có liên quan theo quy định của pháp luật ngân sách) để Bộ Tài chính (cấp I) tổng hợp báo

cáo Bộ Tài chính (cơ quan tài chính) kiểm tra phân bổ, điều chỉnh dự toán và phê duyệt dự toán trên hệ thống TABMIS;

c) Báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán giao đầu năm và quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm của Tổng cục Hải quan theo quy định của pháp luật ngân sách;

d) Báo cáo công khai tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước của Tổng cục Hải quan theo quy định của pháp luật ngân sách;

e) Báo cáo tình hình thực hiện dự toán chi ngân sách nhà nước của Tổng cục Hải quan gửi các cơ quan quản lý nhà nước theo quy định;

g) Hướng dẫn, kiểm tra, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, dự toán chi ngân sách hàng năm của các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan;

h) Thực hiện thẩm tra, xét duyệt và thông báo xét duyệt quyết toán chi ngân sách nhà nước hàng năm của các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan;

i) Báo cáo khác của Tổng cục Hải quan theo quy định của pháp luật ngân sách.

k) Tổng hợp, thẩm tra, thẩm định, xây dựng phương án báo cáo Tổng cục trưởng xem xét phê duyệt, quyết định các nội dung nêu tại Khoản 1 Điều này.

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan

a) Cụ thể hóa cơ chế, chính sách, chế độ, mức chi do các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành trong lĩnh vực tài chính cho phù hợp với đặc thù hoạt động của đơn vị để thống nhất thực hiện trong toàn đơn vị;

b) Thực hiện công tác lập và chấp hành dự toán, quyết toán ngân sách, chấp hành chế độ báo cáo, công khai tài chính theo quy định của pháp luật ngân sách, hướng dẫn của Bộ Tài chính và của Tổng cục Hải quan.

Điều 3. Thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý tài sản công

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan:

a) Ban hành, hướng dẫn, cụ thể hóa các quy định về tiêu chuẩn, định mức, quản lý và sử dụng, xử lý tài sản công theo phân cấp của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

b) Chấp hành chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan:

a) Cụ thể hóa các quy định về tiêu chuẩn, định mức, quản lý và sử dụng, xử lý tài sản công cho phù hợp với đặc thù hoạt động của đơn vị để thống nhất thực hiện trong toàn đơn vị;

b) Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng tài sản công trong phạm vi quản lý của đơn vị;

c) Chấp hành chế độ báo cáo theo quy định của pháp luật tài sản công và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Tổng cục Hải quan.

3. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc Tổng cục Hải quan ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công tại đơn vị mình (trừ tiêu chuẩn, định mức diện tích làm việc, xe ô tô, máy móc, thiết bị của các chức danh quản lý) theo quy định tại Khoản 6 Điều 26 Luật quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017.

Điều 4. Thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý đầu tư xây dựng

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan

a) Hướng dẫn, cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, chế độ, định mức do các cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành trong lĩnh vực đầu tư xây dựng để thực hiện thống nhất trong phạm vi Tổng cục Hải quan;

b) Quyết định đầu tư xây dựng và phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án nhóm B phù hợp với quy hoạch đầu tư xây dựng và chủ trương đầu tư xây dựng dự án đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

Cục Tài vụ - Quản trị là đơn vị tham mưu, thẩm định và tổng hợp báo cáo Tổng cục trưởng xem xét quyết định.

2. Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị;

a) Tổng cục trưởng ủy quyền quyết định đầu tư xây dựng, ký thừa ủy quyền từ khi bắt đầu đến khi kết thúc dự án cho các nội dung, công việc liên quan đến dự án và quyết toán dự án hoàn thành đối với dự án nhóm C có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên (trừ các nội dung quy định tại điểm b khoản 3 Điều này) phù hợp với quy hoạch đầu tư xây dựng và chủ trương đầu tư xây dựng dự án đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt. Trước khi quyết định đầu tư, Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị phải báo cáo và được Tổng cục trưởng chấp thuận về nguồn vốn đầu tư và phương án quy hoạch, kiến trúc;

b) Thực hiện công tác giám sát đầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật.

3. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan

a) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ủy quyền quyết định đầu tư xây dựng, ký thừa ủy quyền từ khi bắt đầu đến khi kết thúc dự án cho các nội dung, công việc liên quan đến dự án và quyết toán dự án hoàn thành đối với các dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng, các dự án cải

tạo sửa chữa phù hợp với quy hoạch đầu tư xây dựng và chủ trương đầu tư xây dựng dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có). Trước khi quyết định đầu tư, Thủ trưởng đơn vị dự toán phải có văn bản báo cáo và được Tổng cục trưởng chấp thuận về nguồn vốn đầu tư và phương án quy hoạch, kiến trúc;

b) Đối với các dự án có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên: Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ủy quyền cho Thủ trưởng đơn vị dự toán phê duyệt và ký thừa ủy quyền từ khi bắt đầu đến khi kết thúc dự án đối với các nội dung dự toán chi phí quản lý dự án giai đoạn chuẩn bị đầu tư, điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng được chủ đầu tư và nhà thầu ký kết khi không vượt tiến độ thực hiện dự án.

4. Chủ đầu tư xây dựng công trình

a) Tổng cục Hải quan là chủ đầu tư đối với các dự án quan trọng thúc đẩy cải cách, hiện đại hóa của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan có tổng mức đầu tư từ 500 tỷ đồng đến dưới 800 tỷ đồng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

b) Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành của Tổng cục Hải quan thuộc Cục Tài vụ - Quản trị là chủ đầu tư đối với các dự án quan trọng thúc đẩy cải cách, hiện đại hóa của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan có tổng mức đầu tư từ 80 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng thuộc thẩm quyền quyết định đầu tư xây dựng của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan;

c) Đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan là chủ đầu tư đối với các dự án của đơn vị dự toán có tổng mức đầu tư dưới 80 tỷ đồng.

Trong trường hợp cần thiết, Cục Tài vụ - Quản trị báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan xem xét điều chỉnh Chủ đầu tư xây dựng công trình cho phù hợp.

Điều 5. Thẩm quyền trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin

Các quy định tại Điều này được quy định đối các dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước; hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn vốn khác. Đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn thu hợp pháp và nguồn quỹ hợp pháp của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập dành để đầu tư thẩm quyền thẩm định, quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư dự án, thẩm quyền thẩm định, phê duyệt, giao kế hoạch vốn trung hạn và hàng năm thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

1. Đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin

a) Thẩm quyền phê duyệt dự án/điều chỉnh dự án công nghệ thông tin

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan phê duyệt dự án/điều chỉnh dự án ứng dụng công nghệ thông tin có tổng mức đầu tư từ 100 tỷ đồng trở xuống trong phạm vi quản lý nghiệp vụ của ngành Hải quan phù hợp với các nội dung trong kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin hoặc chủ trương đầu tư đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt về mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư.

Trường hợp khi phê duyệt dự án hoặc trong quá trình triển khai dự án có sự thay đổi về mục tiêu, quy mô đầu tư (làm tăng tổng mức đầu tư), tăng tổng mức đầu tư so với nội dung đã được phê duyệt tại kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin hoặc quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án, Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan báo cáo Bộ Tài chính phê duyệt điều chỉnh kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin hoặc chủ trương đầu tư trước khi phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh dự án.

Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan là đơn vị thẩm định dự án đối với dự án do đơn vị khác thuộc Tổng cục là chủ đầu tư, tổng hợp báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt.

Cục Tài vụ - Quản trị thẩm định dự án đối với dự án do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan là chủ đầu tư, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt. Trường hợp do mục tiêu, yêu cầu, tính chất của dự án, Tổng cục trưởng phê duyệt lựa chọn đơn vị thuộc hoặc trực thuộc khác làm đơn vị thẩm định hoặc thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định dự án.

Đơn vị/Hội đồng thẩm định dự án công nghệ thông tin có tổng mức đầu tư từ 45 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng, thực hiện báo cáo Lãnh đạo Tổng cục lấy ý kiến Cục Tin học và Thống kê tài chính (về kỹ thuật, công nghệ và các vấn đề liên quan) và Cục Kế hoạch - Tài chính (về tổng mức đầu tư/dự toán và các vấn đề liên quan đến tài chính) trước khi trình phê duyệt dự án.

b) Thẩm quyền phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định phê duyệt quyết toán hoàn thành đối với các dự án ứng dụng công nghệ thông tin quy định tại điểm a khoản này.

Cục Tài vụ - Quản trị là đơn vị chủ trì thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt.

c) Thẩm quyền thẩm định thiết kế cơ sở dự án/thiết kế chi tiết dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo hình thức báo cáo kinh tế - kỹ thuật đối với dự án do Tổng cục trưởng phê duyệt đầu tư theo phân cấp:

Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan là đơn vị thẩm định thiết kế cơ sở dự án/thiết kế chi tiết dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo hình thức báo cáo kinh tế - kỹ thuật do đơn vị khác thuộc Tổng cục là chủ đầu tư. Trường hợp dự án do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan là chủ đầu tư, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan thành lập Hội đồng thẩm định để thẩm định thiết kế cơ sở dự án/thiết kế chi tiết dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo hình thức báo cáo kinh tế kỹ thuật.

d) Chủ đầu tư dự án ứng dụng công nghệ thông tin

Đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong phạm vi quản lý nghiệp vụ của Tổng cục Hải quan do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định đầu tư: Tổng cục Hải quan là chủ đầu tư.

Đối với dự án ứng dụng công nghệ thông tin do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định đầu tư theo phân cấp, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan là chủ đầu tư. Trường hợp do mục tiêu, yêu cầu, tính chất của dự án, Tổng cục trưởng lựa chọn đơn vị khác có đủ điều kiện làm chủ đầu tư.

Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan báo cáo Tổng cục trưởng xem xét, quyết định lựa chọn các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đề xuất giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ; xây dựng, thử nghiệm sản phẩm đối với trường hợp dự án do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan là người có thẩm quyền phê duyệt và có sản phẩm công nghệ thông tin chưa sẵn có trên thị trường theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 73/2019/NĐ - CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ.

2. Thuê dịch vụ công nghệ thông tin

a) Thẩm quyền phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin:

a.1) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan phê duyệt/phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin có dự toán thuê dịch vụ từ 100 tỷ đồng trở xuống trong phạm vi quản lý nghiệp vụ của ngành Hải quan phù hợp với các nội dung trong kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin hoặc chủ trương đầu tư đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt về mục tiêu, quy mô, dự toán.

Trường hợp khi phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin hoặc trong quá trình triển khai kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin có sự thay đổi về mục tiêu, quy mô đầu tư (làm tăng dự toán), tăng dự toán so với nội dung đã được phê duyệt tại kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin hoặc quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, báo cáo cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin hoặc chủ trương đầu tư trước khi phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

a.2) Trường hợp đặc biệt do mục tiêu, yêu cầu, tính chất của hoạt động thuê dịch vụ công nghệ thông tin theo quy định tại tiết d điểm 3.1 khoản 3 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định 494/QĐ-BTC ngày 10/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, báo cáo Bộ trưởng Bộ Tài chính xem xét phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong phạm vi quản lý nghiệp vụ của Tổng cục Hải quan.

b) Thẩm quyền thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin do Tổng cục trưởng phê duyệt theo phân cấp (trừ trường hợp đặc biệt quy định tại tiết d điểm 3.1 khoản 3 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định 494/QĐ-BTC ngày 10/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính):

b.1) Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan là đơn vị thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ đối với kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin do đơn vị khác thuộc Tổng cục là chủ trì thuê dịch vụ, tổng hợp báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt.

b.2) Cục Tài vụ - Quản trị là đơn vị thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ đối với kế hoạch thuê dịch vụ do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan là chủ trì thuê dịch vụ, tổng hợp báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt.

Trường hợp do mục tiêu, yêu cầu, tính chất của kế hoạch thuê dịch vụ, Tổng cục trưởng lựa chọn đơn vị thuộc hoặc trực thuộc khác làm đơn vị thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

b.3) Đơn vị thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin có dự toán thuê dịch vụ từ 45 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng, thực hiện báo cáo Lãnh đạo Tổng cục lấy ý kiến Cục Tin học và Thống kê tài chính (về kỹ thuật, công nghệ và các vấn đề liên quan) và Cục Kế hoạch - Tài chính (về dự toán và các vấn đề liên quan đến tài chính) trước khi trình phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin.

b.4) Trường hợp phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ theo điểm a.2 khoản này, đơn vị thẩm định kế hoạch thuê dịch vụ do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định theo quy định tại điểm 2.5 khoản 2 Điều 3 ban hành kèm theo Quyết định số 494/QĐ - BTC ngày 10/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

c) Chủ trì thuê dịch vụ:

c.1) Đối với kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin trong phạm vi quản lý nghiệp vụ của Tổng cục Hải quan do Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định, Tổng cục Hải quan là chủ trì thuê dịch vụ.

c.2) Đối với kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan là chủ trì thuê dịch vụ. Trường hợp do mục tiêu, yêu cầu, tính chất của kế hoạch thuê dịch vụ, Tổng cục trưởng lựa chọn đơn vị khác có đủ điều kiện làm chủ trì thuê dịch vụ.

c.3) Trường hợp Tổng cục thực hiện theo phân cấp hoặc ủy quyền phê duyệt kế hoạch thuê dịch vụ quy định tại tiết d điểm 3.1 khoản 3 Điều 2 Quy định ban hành kèm theo Quyết định 494/QĐ-BTC ngày 10/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, đơn vị chủ trì thuê dịch vụ do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

d) Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan báo cáo Tổng cục trưởng xem xét, quyết định lựa chọn các tổ chức, cá nhân nghiên cứu, đề xuất giải pháp, phương án kỹ thuật, công nghệ; xây dựng, thử nghiệm sản phẩm đối với trường hợp kế hoạch thuê dịch vụ do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan là người có thẩm quyền phê duyệt và có sản phẩm công nghệ thông tin chưa sẵn có trên thị trường theo quy định tại khoản 3 Điều 52 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05/9/2019 của Chính phủ.

3. Đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải lập đề cương và dự toán chi tiết:

a) Thẩm quyền phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết:

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết đối với các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong phạm vi quản lý nghiệp vụ của ngành Hải quan phù hợp với các nội dung trong kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin hoặc chủ trương đầu tư đã được phê duyệt về mục tiêu, quy mô, tổng mức đầu tư.

Trường hợp khi phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết hoặc trong quá trình triển khai đề cương và dự toán chi tiết có sự thay đổi về mục tiêu, quy mô đầu tư (làm tăng tổng mức đầu tư), tăng tổng mức đầu tư so với nội dung đã được phê duyệt tại kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin hoặc quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư, trình cấp thẩm quyền phê duyệt điều chỉnh kế hoạch 5 năm ứng dụng công nghệ thông tin hoặc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư trước khi phê duyệt hoặc phê duyệt điều chỉnh đề cương và dự toán chi tiết.

b) Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định mua sắm tài sản đối với các nội dung mua sắm tài sản phải lập đề cương và dự toán chi tiết trong phạm vi quản lý nghiệp vụ của ngành Hải quan (trừ: hoạt động nâng cấp, mở rộng, phát triển phần mềm nội bộ trên cơ sở phần mềm đang sử dụng để đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ, nâng cấp, lắp đặt, cài đặt thiết bị công nghệ thông tin trên cơ sở thiết bị công nghệ thông tin đang sử dụng không phải việc mua sắm mới tài sản; các nội dung mua sắm bảo hành, bảo trì, dịch vụ khác và thuê dịch vụ bảo hành, bảo trì, dịch vụ khác mà không hình thành tài sản (không hạch toán tăng nguyên giá, giá trị tài sản) quy định tại điểm c khoản 4 và khoản 5 Công văn số 7559/BTC-QLCS ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính).

c) Thẩm quyền thẩm định đề cương và dự toán chi tiết:

- Đối với đề cương và dự toán chi tiết trong phạm vi quản lý nghiệp vụ của đơn vị của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan: Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan là đơn vị chủ trì thẩm định.

Trường hợp Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan đồng thời là đơn vị sử dụng ngân sách lập đề cương và dự toán chi tiết: Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan thành lập hội đồng thẩm định để thẩm định về phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ; tổng hợp kết quả thẩm định báo cáo Lãnh đạo Tổng cục phê duyệt.

- Đối với đề cương và dự toán chi tiết có tính chất ngành (đầu tư từ 02 đơn vị thuộc hoặc trực thuộc Tổng cục Hải quan sử dụng trở lên): Cục Tài vụ - Quản trị là đơn vị đầu mối thẩm định.

Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan thành lập hội đồng thẩm định thẩm định về phương án, giải pháp kỹ thuật, công nghệ và gửi báo cáo thẩm định với các nội dung như đã

nêu kèm theo hồ sơ trình phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết sang Cục Tài vụ - Quản trị thực hiện thẩm định, tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Tổng cục phê duyệt.

d) Thẩm định trong việc quyết định mua sắm tài sản:

- Đối với đề cương và dự toán chi tiết trong phạm vi quản lý nghiệp vụ của đơn vị của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan (bao gồm đề cương dự toán chi tiết do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan thực hiện trong phạm vi quản lý nghiệp vụ đơn vị): Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan chịu trách nhiệm thẩm định toàn bộ các nội dung bao gồm có nội dung sự cần thiết, sự phù hợp đề nghị mua sắm với tiêu chuẩn định mức sử dụng tài sản công, tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Tổng cục phê duyệt.

- Đối với đề cương và dự toán chi tiết có tính chất ngành (đầu tư từ 02 đơn vị thuộc hoặc trực thuộc Tổng cục Hải quan sử dụng trở lên): Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan chịu trách nhiệm thẩm định các nội dung và lấy ý kiến của Cục Tài vụ - Quản trị về sự phù hợp đề nghị mua sắm với tiêu chuẩn định mức sử dụng tài sản công, tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Tổng cục phê duyệt.

4. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không lập dự án, không lập đề cương và dự toán chi tiết (trừ: thuê dịch vụ công nghệ thông tin; hoạt động nâng cấp, chỉnh sửa, phát triển phần mềm nội bộ trên cơ sở phần mềm đang sử dụng để đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ nâng cấp, lắp đặt, cài đặt thiết bị công nghệ thông tin trên cơ sở thiết bị công nghệ thông tin đang sử dụng không phải việc mua sắm mới tài sản; các nội dung mua sắm/thuê dịch vụ bảo hành, bảo trì, dịch vụ khác mà không hình thành tài sản (không hạch toán tăng nguyên giá, giá trị tài sản) quy định tại điểm c Khoản 4 và Khoản 5 Công văn số 7559/BTC-QLCS ngày 25/6/2018 của Bộ Tài chính).

a) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ Công nghệ thông tin đối với các hoạt động đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin không lập dự án, không lập đề cương và dự toán chi tiết có tính chất ngành (đầu tư từ 02 đơn vị thuộc hoặc trực thuộc Tổng cục Hải quan sử dụng trở lên).

Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan chủ trì lập và chịu trách nhiệm về hồ sơ đề nghị mua sắm báo cáo Tổng cục trưởng xem xét, quyết định mua sắm.

Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan chịu trách nhiệm về sự cần thiết mua sắm và lấy ý kiến Cục Tài vụ - Quản trị về sự phù hợp của đề nghị mua sắm với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản công trước khi báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt quyết định mua sắm.

b) Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan quyết định mua sắm tài sản đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không lập dự án, không lập đề cương và dự toán chi tiết trong phạm vi quản lý của đơn vị.

Phòng/Ban/Bộ phận công nghệ thông tin thuộc đơn vị dự toán chủ trì lập hồ sơ đề nghị mua sắm tài sản báo cáo Thủ trưởng đơn vị xem xét quyết định mua sắm.

Phòng/Ban/Bộ phận công nghệ thông tin chịu trách nhiệm về sự cần thiết mua sắm và lấy ý kiến Phòng/Ban/Bộ phận Tài vụ Quản trị về sự phù hợp của đề nghị mua sắm với tiêu chuẩn định mức, sử dụng tài sản công trước khi báo cáo Thủ trưởng đơn vị phê duyệt quyết định mua sắm.

5. Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan quyết định mua sắm tài sản công nghệ thông tin từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 6. Thẩm quyền trong lĩnh vực kiểm tra nội bộ

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan

a) Phê duyệt kế hoạch chi tiết kiểm tra nội bộ về công tác quản lý tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng tài sản công, đấu thầu, ấn chỉ và quản lý đầu tư xây dựng tại các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan do Cục Tài vụ - Quản trị chủ trì theo kế hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

b) Phê duyệt kế hoạch chi tiết kiểm tra nội bộ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan chủ trì theo kế hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

c) Quyết định kiểm tra nội bộ đột xuất các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan.

2. Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị

a) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra nội bộ hàng năm theo kế hoạch đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan phê duyệt;

b) Thực hiện kiểm tra nội bộ về quản lý tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng tài sản công, đấu thầu, ấn chỉ và quản lý đầu tư xây dựng tại các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan theo kế hoạch chi tiết đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan phê duyệt;

c) Ban hành thông báo kết quả kiểm tra nội bộ đối với các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc được kiểm tra do Cục Tài vụ - Quản trị tổ chức thực hiện;

d) Kiểm tra công tác thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm tra nội bộ tại các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan do Cục Tài vụ - Quản trị chủ trì thực hiện kiểm tra nội bộ.

3. Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan

a) Quyết định thành lập đoàn kiểm tra nội bộ hàng năm theo kế hoạch đã được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan phê duyệt;

b) Thực hiện kiểm tra nội bộ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin của các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan chủ trì theo kế hoạch đã được Bộ trưởng Bộ Tài chính phê duyệt.

c) Ban hành thông báo kết quả kiểm tra nội bộ đối với các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc được kiểm tra do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan tổ chức thực hiện;

d) Kiểm tra công tác thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm tra nội bộ tại các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan chủ trì thực hiện kiểm tra nội bộ.

4. Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan

Lập kế hoạch tự kiểm tra nội bộ về quản lý tài chính, kế toán, quản lý và sử dụng tài sản công, đấu thầu, ấn chỉ, quản lý đầu tư xây dựng và lập kế hoạch tự kiểm tra nội bộ hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện công tác tự kiểm tra nội bộ hàng năm tại đơn vị theo quy định và báo cáo kết quả tự kiểm tra nội bộ về Tổng cục Hải quan (qua Cục Tài vụ - Quản trị, Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan) trước ngày 15/10 hàng năm.

Điều 7. Đối với lựa chọn nhà thầu

1. Người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013

a) Người có thẩm quyền trong lĩnh vực đầu tư xây dựng.

a.1) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan là người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu đối với dự án nhóm B;

a.2) Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị là người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu đối với dự án nhóm C có tổng mức đầu tư từ 15 tỷ đồng trở lên;

a.3) Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan là người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu đối với dự án có tổng mức đầu tư dưới 15 tỷ đồng, các dự án cải tạo, sửa chữa.

b) Người có thẩm quyền trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin.

b.1) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan là người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu đối với: Các gói thầu thuộc dự án ứng dụng công nghệ quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 5; các gói thầu thuê dịch vụ công nghệ thông tin quy định tại khoản 2 Điều 5; các gói thầu mua sắm đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin lập đề cương và dự toán chi tiết; các gói thầu mua sắm đối với hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không lập dự án, không lập đề cương và dự

toán chi tiết có tính chất ngành (đầu tư từ 02 đơn vị thuộc hoặc trực thuộc Tổng cục Hải quan sử dụng trở lên).

b.2) Thủ trưởng đơn vị dự toán là người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm thuộc hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không lập dự án, không lập đề cương và dự toán chi tiết trong phạm vi đơn vị quản lý (trừ thuê dịch vụ công nghệ thông tin có thực hiện kế hoạch thuê dịch vụ).

b.3) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan là người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm tài sản thuộc hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

c) Người có thẩm quyền trong lĩnh vực mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ

c.1) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan là người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định số 1610/QĐ-TCHQ ngày 31/5/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc quy định thẩm quyền quyết định mua sắm, quản lý, sử dụng tài sản công (không bao gồm mua sắm tài sản công nghệ thông tin) tại các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan trừ quy định tại điểm c.3 khoản này;

c.2) Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan là người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của đơn vị;

c.3) Thủ trưởng đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan là người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô) từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 37 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

d) Người có thẩm quyền trong lĩnh vực thuê tài sản

d.1) Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan là người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuê tài sản có mức tiền đề nghị thuê từ 20 tỷ đồng trở lên/01 lần thuê (trừ trường hợp quy định tại điểm d.3 khoản này);

d.2) Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan là người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuê tài sản có mức tiền đề nghị thuê dưới 20 tỷ đồng/01 lần thuê;

d.3) Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan là người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuê tài sản từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Đơn vị, tổ chức, bộ phận thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013, Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014.

a) Cục Tài vụ - Quản trị là đơn vị thẩm định báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu do Tổng cục trưởng là người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này trừ: các gói thầu quy định tại điểm c.1 khoản 1 Điều này; các gói thầu thuộc dự án ứng dụng công nghệ thông tin do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan không là Chủ đầu tư; các gói thầu thuộc hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải lập đề cương và dự toán chi tiết của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan.

Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ủy quyền Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị thành lập bộ phận thẩm định thực hiện nhiệm vụ thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu, báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu quy định tại điểm c.1 khoản 1 Điều này.

b) Cục Công nghệ thông tin và thống kê hải quan là đơn vị thẩm định báo cáo Tổng cục trưởng phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc dự án ứng dụng công nghệ thông tin do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan không là Chủ đầu tư; kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu thuộc hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải lập đề cương và dự toán chi tiết của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan (bao gồm các gói thầu thuộc hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải lập đề cương và dự toán chi tiết do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan lập).

c) Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đơn vị mình để quyết định đơn vị, tổ chức, bộ phận thuộc bộ máy quản lý của đơn vị dự toán thực hiện thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các gói thầu do thủ trưởng đơn vị dự toán là người có thẩm quyền theo quy định tại quyết định này để xem xét, phê duyệt.

3. Bên mời thầu trong lựa chọn nhà thầu theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013.

a) Tổng cục Hải quan là bên mời thầu đối với các gói thầu thuộc dự án do Tổng cục Hải quan là chủ đầu tư, kế hoạch thuê dịch vụ công nghệ thông tin do Tổng cục Hải quan là chủ trì thuê dịch vụ;

b) Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan là bên mời thầu đối với các gói thầu: Các gói thầu thuộc các dự án đầu tư ứng dụng Công nghệ thông tin do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan chủ đầu tư; thuê dịch vụ Công nghệ thông tin do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan là chủ trì thuê dịch vụ; mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ Công nghệ

thông tin của các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin lập đề cương và dự toán chi tiết có tính chất ngành (đầu tư từ 02 đơn vị thuộc hoặc trực thuộc Tổng cục Hải quan sử dụng trở lên); mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin của các hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin không lập dự án, không lập đề cương và dự toán chi tiết có tính chất ngành;

c) Cục Tài vụ - Quản trị là bên mời thầu đối với các gói thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ quy định tại điểm c.1 khoản 1 Điều này trừ quy định tại điểm e khoản này;

d) Đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan là bên mời thầu đối với: Các gói thầu thuộc các dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin do đơn vị mình là chủ đầu tư; các gói thầu thuộc hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải lập đề cương và dự toán chi tiết trong phạm vi quản lý nghiệp vụ của đơn vị; các gói thầu mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ công nghệ thông tin không phải lập dự án, không phải lập đề cương và dự toán chi tiết trong phạm vi quản lý của đơn vị; các gói thầu thuê dịch vụ Công nghệ thông tin do đơn vị mình là chủ trì thuê dịch vụ; các gói thầu thuê tài sản do đơn vị mình là chủ trì thuê;

e) Đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan là bên mời thầu đối với các gói thầu mua sắm tài sản (trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô), thuê tài sản từ nguồn quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 38 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công.

4. Đơn vị thực hiện trách nhiệm giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu của người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 73 và khoản 3 Điều 87 Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013, Điều 126 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014.

a) Cục Tài vụ - Quản trị thực hiện giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu của chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu do Tổng cục trưởng là người có thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều này trừ các gói thầu thuộc dự án ứng dụng công nghệ thông tin do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan không là chủ đầu tư, các gói thầu thuộc hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải lập đề cương và dự toán chi tiết trong phạm vi quản lý nghiệp vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan;

b) Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan thực hiện giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu của chủ đầu tư đối với các gói thầu thuộc dự án ứng dụng công nghệ thông tin do Cục Công nghệ thông tin và Thống kê hải quan không là chủ đầu tư, các gói thầu thuộc hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin phải lập đề cương và dự toán chi tiết trong phạm vi quản lý nghiệp vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan;

c) Khi thấy cần thiết phải thực hiện giám sát, theo dõi hoạt động đấu thầu của chủ đầu tư, bên mời thầu đối với các gói thầu do mình là người có thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, Điều 126 Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014: Thủ trưởng đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan căn cứ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của đơn vị để phân công, giao nhiệm vụ cho một cá nhân hoặc đơn vị, tổ chức thuộc phạm vi quản lý của đơn vị

thực hiện trong quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu hoặc thông báo bằng văn bản (trường hợp trong quá trình đấu thầu) đề các chủ đầu tư, bên mời thầu biết và phối hợp thực hiện.

Điều 8. Tổ chức thực hiện.

1. Cục Tài vụ - Quản trị:

a) Kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện thẩm quyền trong các lĩnh vực quản lý của các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan;

b) Kịp thời đề xuất báo cáo Tổng cục trưởng xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về thẩm quyền trong các lĩnh vực quản lý cho phù hợp;

c) Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị được thực hiện một số nội dung đã được Tổng cục trưởng ủy quyền theo Quy chế làm việc do Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ban hành.

d) Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị được ký thừa ủy quyền đối với những nội dung công việc được Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan ủy quyền tại Điều 2, Điều 7 và điểm c khoản 1 Điều này. Thời gian được ký thừa ủy quyền từ khi quyết định này có hiệu lực thi hành đến khi được thay thế bởi quyết định khác.

2. Thủ trưởng các đơn vị dự toán thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Tổng cục trưởng trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo quy định;

b) Chịu trách nhiệm cá nhân trước Tổng cục trưởng về việc khiếu nại, khiếu kiện, tố cáo trong việc thực hiện các lĩnh vực quản lý của đơn vị;

c) Nghiêm túc chấp hành chế độ báo cáo theo quy định của Tổng cục Hải quan;

d) Kịp thời đề xuất báo cáo Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan (qua Cục Tài vụ - Quản trị) xem xét, điều chỉnh, bổ sung quy định về thẩm quyền cho phù hợp quy định của pháp luật.

Điều 9. Hiệu lực thi hành và Quy định chuyển tiếp

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Bãi bỏ Quyết định số 2718/QĐ - TCHQ ngày 14/9/2018 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc quy định thẩm quyền và tổ chức thực hiện đối với lĩnh vực quản lý tài chính, đầu tư xây dựng, ứng dụng công nghệ thông tin, kiểm tra nội bộ và lựa chọn nhà thầu trong các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan; bãi bỏ Quyết định số 884/QĐ - TCHQ ngày 25/4/2012 của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan về việc ban hành Quy chế triển khai đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin theo Quyết định số 2699/QĐ - BTC trong ngành Hải quan. Các quy định trước đây của Tổng cục Hải quan trái với Quyết định này đều bị bãi bỏ.

3. Quy định chuyển tiếp

a) Dự án, hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 73/2019/NĐ - CP ngày 05/9/2019 và các quy định về quản lý đầu tư, thuê dịch vụ công nghệ thông tin tại thời điểm phê duyệt.

b) Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin đã được phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết đến ngày quyết định này có hiệu lực: Người có thẩm quyền đã phê duyệt đề cương và dự toán chi tiết tiếp tục thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu.

c) Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án, lập đề cương và dự toán chi tiết có tính chất ngành đã phê duyệt hồ sơ mời thầu đến ngày quyết định này có hiệu lực: Người có thẩm quyền đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu tiếp tục thực hiện trách nhiệm của người có thẩm quyền trong lựa chọn nhà thầu. Hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin không phải lập dự án, lập đề cương và dự toán chi tiết có tính chất ngành đã phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu nhưng chưa phê duyệt hồ sơ mời thầu đến ngày quyết định này có hiệu lực, thực hiện theo quy định tại quyết định này.

4. Cục trưởng Cục Tài vụ - Quản trị, Cục trưởng Cục Công nghệ thông tin và Thống kê Hải quan, Chánh Văn phòng Tổng cục Hải quan, Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc Tổng cục Hải quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 9;
- Cục KHTC - Bộ Tài chính (để b/c);
- Cục TH&TKTC - Bộ Tài chính (để b/c);
- Tổng cục trưởng (để b/c);
- Các Phó Tổng cục trưởng (để biết);
- Trang Website Hải quan;
- Lưu: VT, TVQT(10b).

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Nguyễn Dương Thái